CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đệ Tam

Ngày 30/06/2025	4,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.5%	**-**	**7.2%**

DT thuần
Q2/25
46.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.0| 53.4%
YoY: ▲ 9.10| 24.7%

LN thuần
Q2/25
-0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.74| 95.3%
YoY: ▼0.46| -109%

LN sau thuế
Q2/25
0.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.21| 237%
YoY: ▼0.59| -66.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
6.2%
YoY: +/-▼ 0.8%

ROE (TTM)
Q2/25
0.6%
YoY: +/-▼ 0.3%

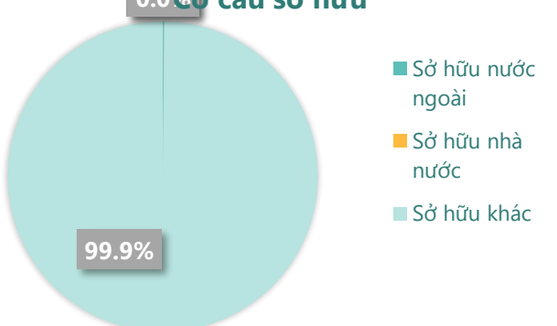
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,250 - 5,660
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	78
Số lượng CPLH (CP)	18,059,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,220
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.77
EPS	64
P/E	66.9

DT thuần
6T 2025
76.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.50| 7.7%

LN thuần
6T 2025
-0.81
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.31| -261%

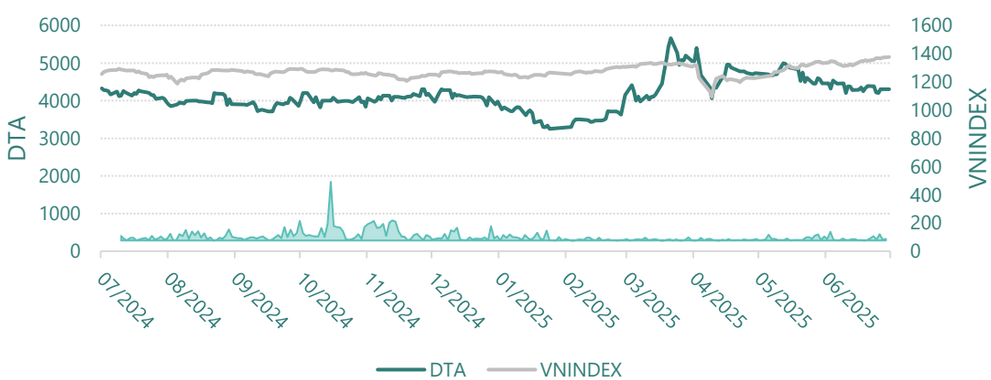
LN sau thuế
6T 2025
0.39
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.62| -61.2%

Cơ cấu sở hữu

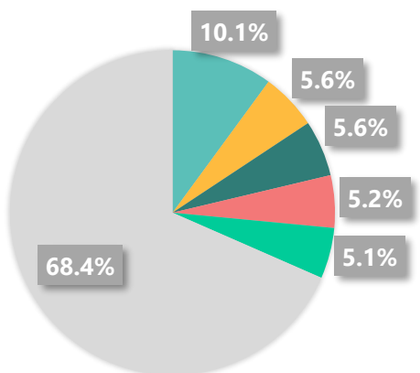


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

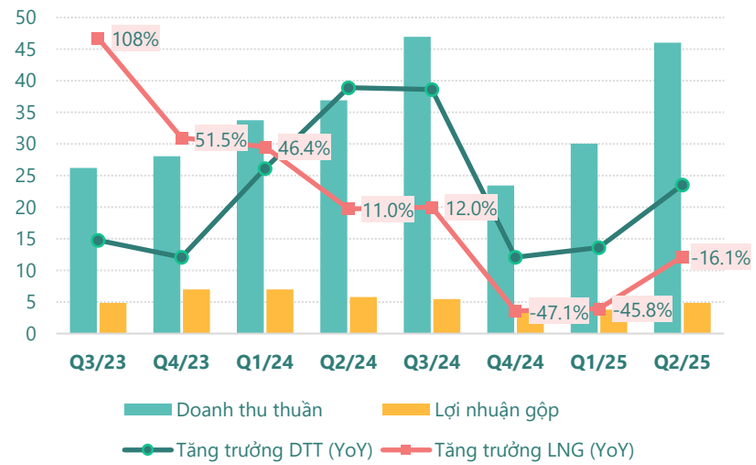


- Phạm Thị Kim Xuân (Tổng giám đốc)
- Đặng Minh Truyền
- Viên Ngọc Bảo
- Nguyễn Anh Tuấn
- Nghiêm Phú Hoàng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

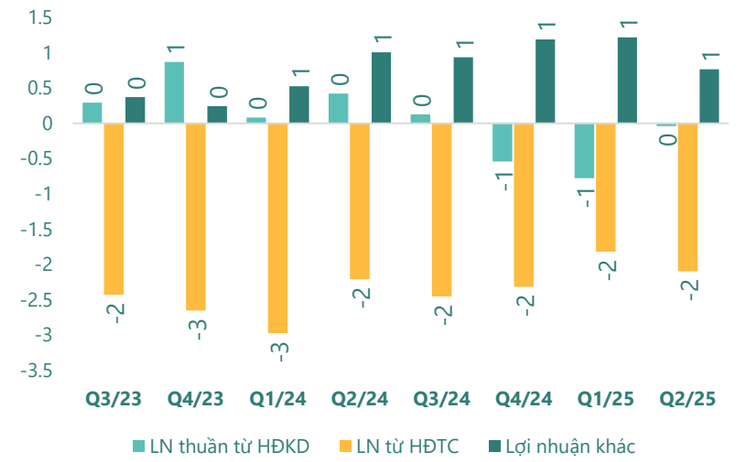
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



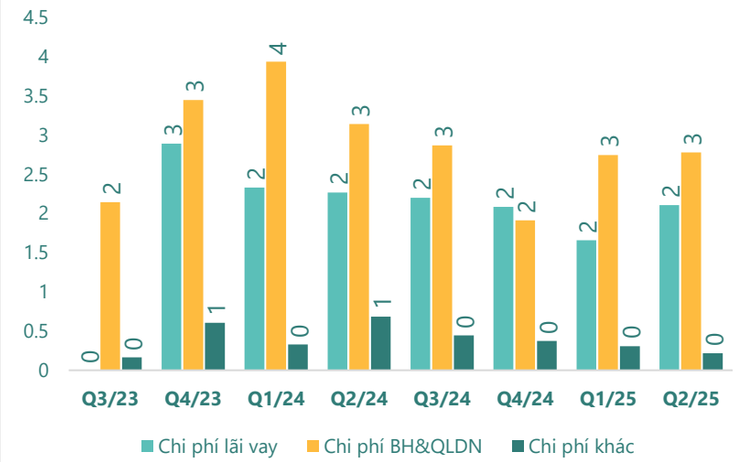
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



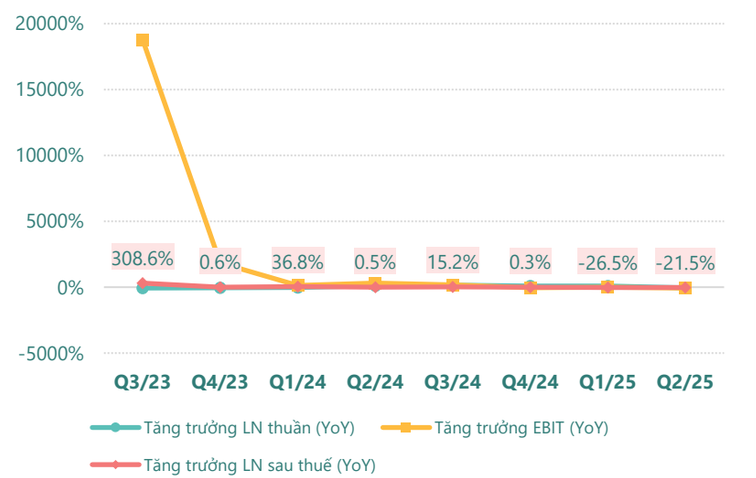
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



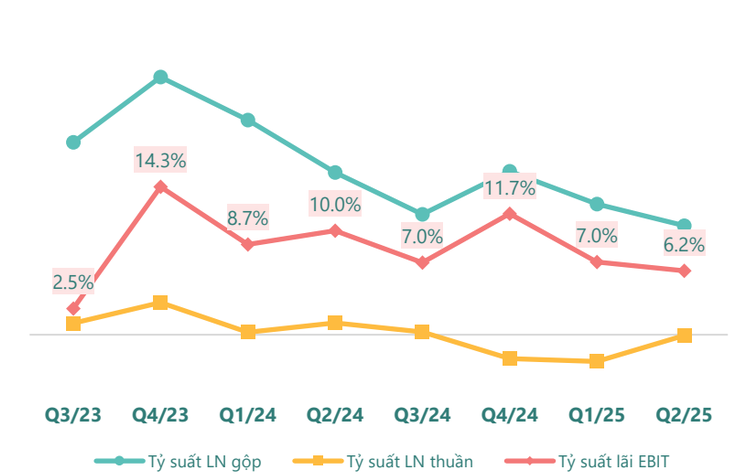
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



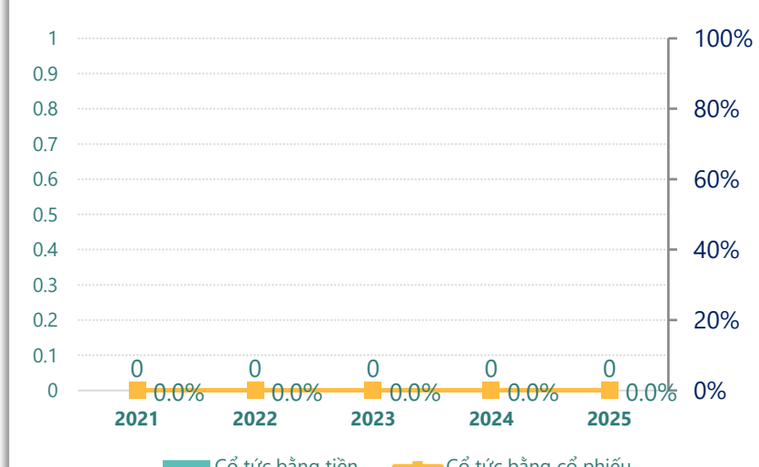
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

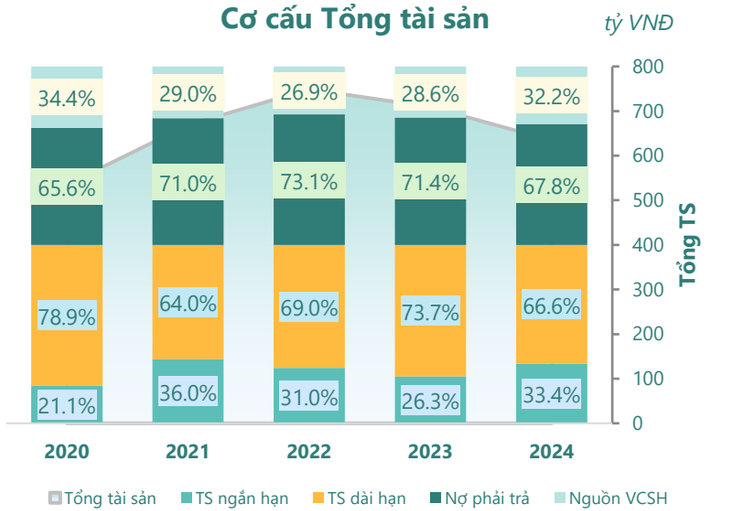
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

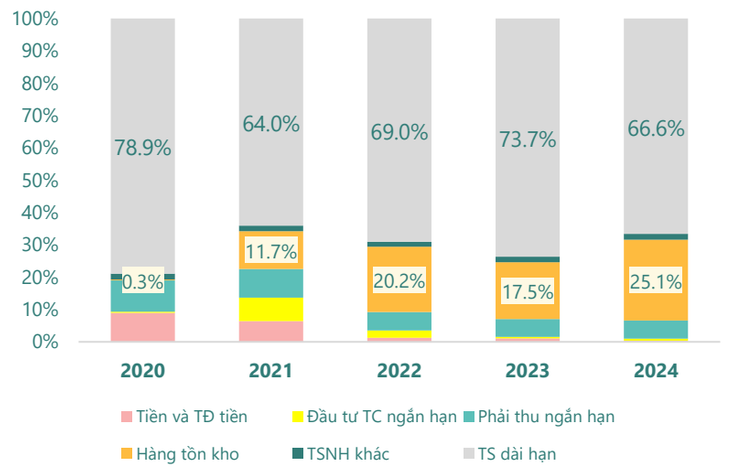
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



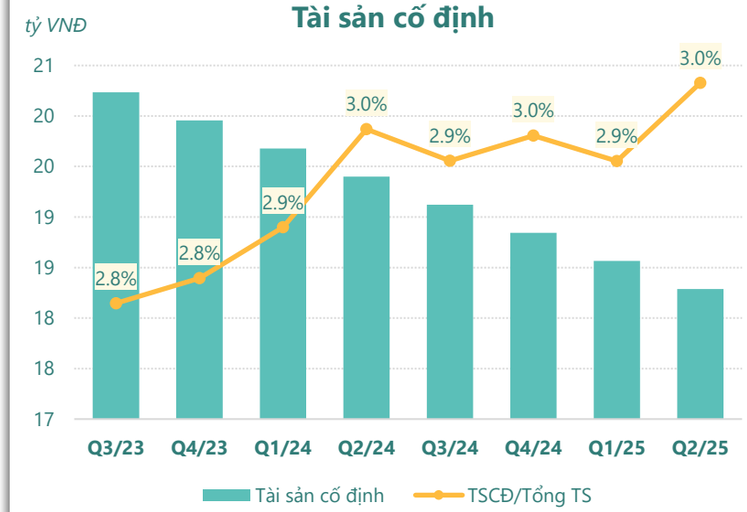
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



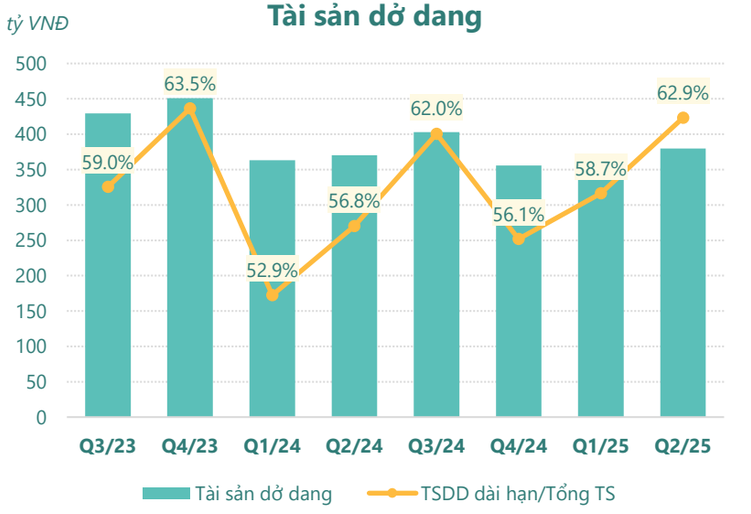
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



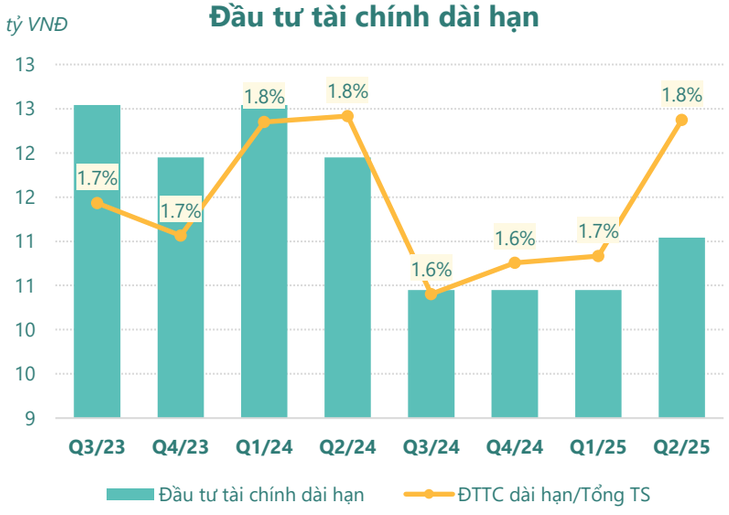
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



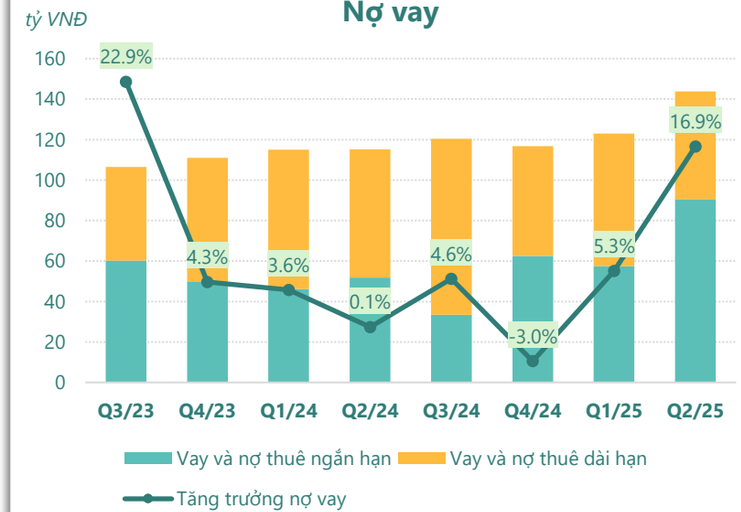
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

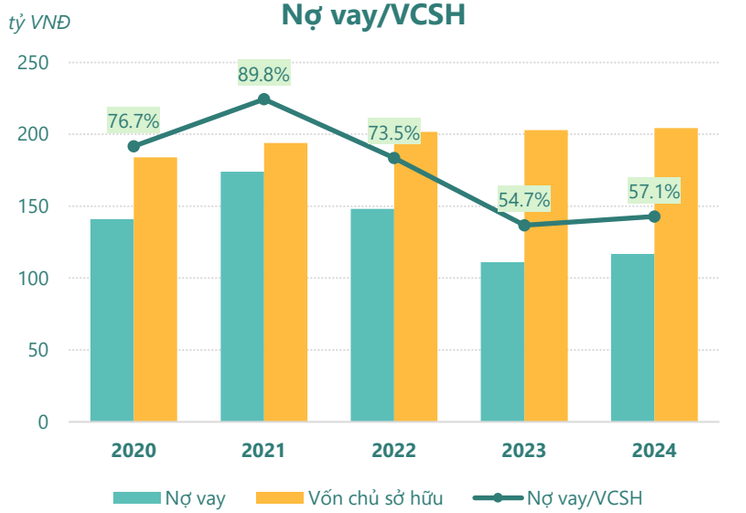
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



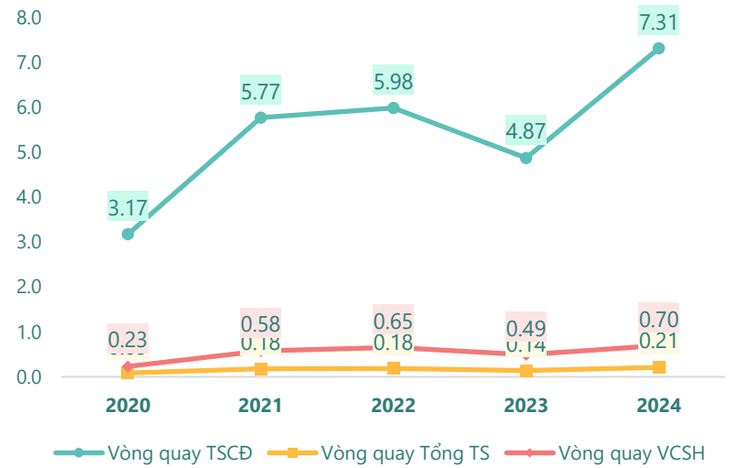
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



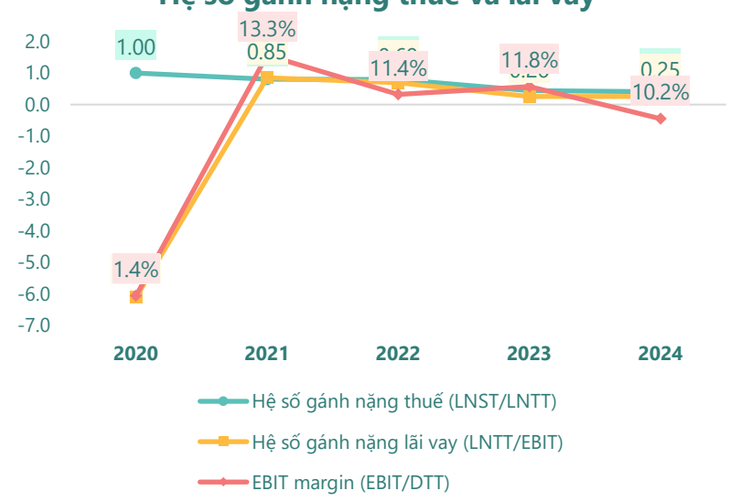
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



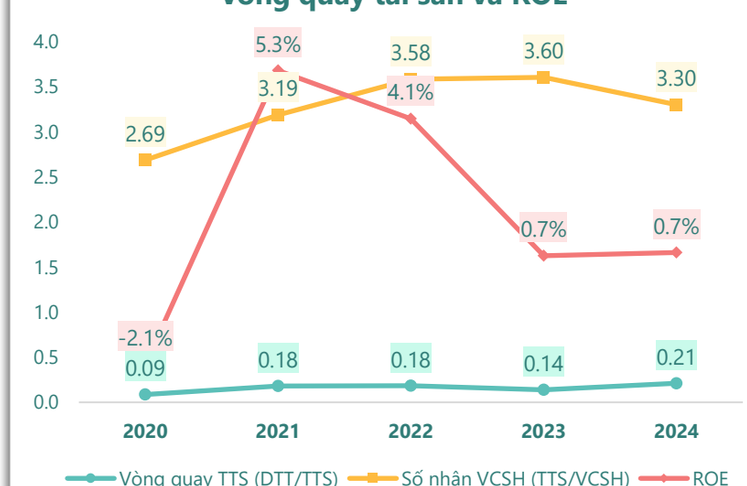
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



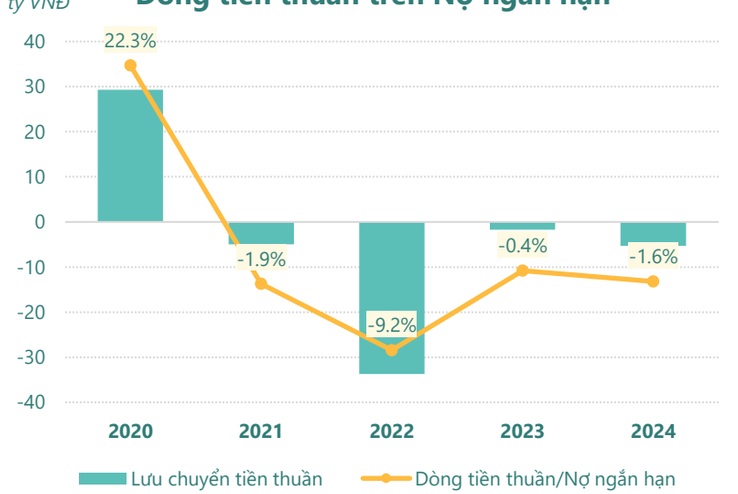
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**46.0**	**36.9**	**24.7%**	**76.1**	**70.6**	**7.7%**
Giá vốn hàng bán	41.2	31.1	32.4%	67.4	57.9	16.5%
Lợi nhuận gộp	4.84	5.77	-16.1%	8.63	12.8	-32.4%
Doanh thu HĐTC	0.16	0.09	77.0%	0.17	0.21	-22.6%
Chi phí TC	2.26	2.30	-1.9%	4.08	5.39	-24.4%
Chi phí lãi vay	2.11	2.27	-7.2%	3.77	4.60	-18.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.81	0.24	238%	1.93	1.94	-0.3%
Chi phí QLDN	**1.97**	**2.91**	**-32.3%**	**3.59**	**5.14**	**-30.1%**
LN thuần từ HĐKD	-0.04	0.42	-109%	-0.81	0.50	-261%
Lợi nhuận khác	**0.77**	**1.01**	**-24.0%**	**1.99**	**1.53**	**29.7%**
LN trước thuế	0.73	1.43	-48.9%	1.18	2.04	-42.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.30**	**0.89**	**-66.0%**	**0.39**	**1.01**	**-61.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.30**	**0.89**	**-66.0%**	**0.39**	**1.01**	**-61.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.52	-0.03	-30.2	2.02	-16.2	-3.23
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.00	0.00	1.50	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.28	0.15	30.3	-3.81	17.4	6.33
Tiền đầu kỳ	3.38	1.14	1.27	2.87	1.08	2.32
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.24**	**0.12**	**1.60**	**-1.79**	**1.24**	**3.10**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.14	1.27	2.87	1.08	2.32	5.42

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**603**	**634**	**-4.9%**
Tài sản ngắn hạn	164	212	-22.5%
Tiền và tương đương tiền	6.64	2.29	190%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.34	3.93	-15.0%
Phải thu ngắn hạn	35.8	35.4	1.2%
Hàng tồn kho	106	159	-33.2%
Tài sản ngắn hạn khác	12.3	11.2	9.9%
Tài sản dài hạn	**439**	**423**	**3.9%**
Phải thu dài hạn	12.0	22.9	-47.8%
Tài sản cố định	18.3	18.8	-3.0%
Bất động sản đầu tư	16.8	17.0	-1.6%
Tài sản dở dang	380	352	7.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.0	10.5	5.6%
Tài sản dài hạn khác	**1.35**	**1.31**	**3.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	399	430	-7.3%
Nợ ngắn hạn	**298**	**328**	**-9.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.6	62.5	45.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	36.7	30.7	19.6%
Nợ dài hạn	101	102	-1.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	53.2	54.3	-2.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**205**	**204**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**205**	**204**	**0.2%**
Vốn điều lệ	181	181	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)